

Số: 16/NQ-HĐND

Sông Mã, ngày 18 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương huyện Sông Mã năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La v.v giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020;

Xét Tờ trình số 1209/TTr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Sông Mã; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-BKTXH ngày 13/12/2019 của Ban Kinh tế - xã hội và tổng hợp các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán ngân sách địa phương huyện Sông Mã năm 2020 như sau:

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020:

- | | |
|--|----------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2020: | 888.323 triệu đồng. |
| 1.1. Thu ngân sách trên địa bàn : | 88.500 triệu đồng. |
| Trong đó: ngân sách địa phương được hưởng: | 83.344 triệu đồng. |
| 1.2. Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang: | 3.022 triệu đồng. |
| 1.3. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh : | 796.801 triệu đồng. |

2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020:	883.167 triệu đồng.
2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản :	36.547 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền SD đất :	18.700 triệu đồng.
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung :	17.847 triệu đồng.
2.2. Chi thường xuyên :	703.218 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế:	31.342,4 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Giáo dục :	444.433 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Văn hoá - thông tin, Thể dục - thể thao, Truyền thanh- TH:	5.483 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội:	50.286,7 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính :	143.720,1 triệu đồng.
- Chi trung tâm chính trị huyện:	2.260 triệu đồng.
- Chi an ninh - quốc phòng:	9.868,6 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách:	1.114 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách:	14.710 ,2 triệu đồng.
2.3. Chi từ nguồn tăng thu NS năm 2020:	1.500 triệu đồng.
2.4. Chi các Chương trình mục tiêu Quốc gia:	141.902 triệu đồng.
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:	109.809 triệu đồng.
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:	26.122 triệu đồng.
- Kinh phí chương trình mục tiêu (vốn sự nghiệp):	5.971 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020:

1. Thu ngân sách:

- Thực hiện quyết liệt và động bộ các giải pháp thu đối với các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc thu nộp và truy thu nộp ngân sách số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp khác của doanh nghiệp. Phân đầu dự toán thu trên địa bàn tăng cao hơn chỉ tiêu HĐND, UBND tỉnh giao để tạo nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX. Các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản thu khác được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp các khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể

theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện.

- Thu ngân sách đảm bảo nguyên tắc: Tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng thu từ tiền sử dụng đất, thu triệt để các khoản thu mới phát sinh; giảm nợ thuế dưới 5% thu NSNN trên địa bàn năm 2020. Thực hiện tốt giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, bồi dưỡng nguồn thu ngân sách ổn định và bền vững.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, kiên quyết xử lý, cưỡng chế, thu hồi nợ thuế theo quy định, giảm nợ đọng thuế, định kỳ công khai các doanh nghiệp nợ thuế. Rà soát khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản tại khu vực sự nghiệp công...) nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản tại khu vực sự nghiệp công...) nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chi ngân sách:

- Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, chủ động, linh hoạt, nhằm ổn định cân đối của nền kinh tế, kiểm soát lạm phát; đảm bảo tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công và chất lượng công trình; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu hàng hóa, sản phẩm, tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Chủ động điều hành, quản lý thu, chi NSNN năm 2020 tích cực, đúng quy định, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, theo dõi sát diễn biến tình hình để có giải pháp phù hợp phân bổ hoàn thành dự toán được giao. Thực hiện rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; tiết kiệm triệt để ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; cắt giảm tối đa và công khai các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, kinh phí mua sắm trang thiết bị đắt tiền; từng bước thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đối với một số chức danh.

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính theo Nghị quyết số 19-NQ/TW; đẩy mạnh việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khối lượng, đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết...

- Bố trí và điều hành dự toán chi đầu tư phát triển trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, đã được HĐND huyện quyết nghị.

- Chi thường xuyên trên cơ sở dự toán được bố trí đúng định mức, nguyên tắc, tiêu chí, tỷ lệ tiết kiệm đảm bảo yêu cầu tăng tự chủ, tinh giản biên chế và dành nguồn cải cách tiền lương (*điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng/tháng lên mức 1,60 triệu đồng/tháng từ ngày 01/7/2020*), lương hưu và trợ cấp ưu đãi người có công, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán được HĐND, UBND tỉnh giao. Khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình đề tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Chi thường xuyên ngân sách huyện đáp ứng một phần yêu cầu tăng chi cho một số nhiệm vụ quan trọng lĩnh vực quốc phòng, an ninh; tăng chi đảm bảo một số chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh; các lĩnh vực chi còn lại bố trí tương đương với dự toán ngân sách năm 2019.

- Đối với các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp tiếp tục kế thừa việc giao và thực hiện dự toán theo nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế của địa phương.

- Đối với các khoản kinh phí chưa phân bổ đã được HĐND huyện giao rõ nội dung chi, quản lý tại ngân sách cấp huyện (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh): Căn cứ chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và các nội dung phát sinh của các đơn vị dự toán, UBND các xã, thị trấn, UBND huyện phân bổ chi tiết và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoạt động tài chính của các đơn vị dự toán, UBND các xã, thị trấn; quan tâm thực hiện công tác tự kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng của nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các xã, thị trấn, chủ tài khoản các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các dự án sau đầu tư.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 và Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết-kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện, các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá XX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở KH&ĐT;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND, UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH, H (150b).

CHỦ TỊCH



Lò Văn Sinh





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Sông Mã)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán HĐND huyện giao năm 2019 (sau điều chỉnh)	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán HĐND huyện giao năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN	807.857.000.000	916.684.473.097	888.323.000.000	(9.302.557.222)	96,91
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	107.200.000.000	111.588.557.222	88.500.000.000	(23.088.557.222)	79,31
-	Thu NSDP hưởng 100%	64.400.000.000	58.375.623.503	62.396.000.000	4.020.376.497	106,89
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	42.800.000.000	53.212.933.719	26.104.000.000	(27.108.933.719)	49,06
	Trong đó phần điều tiết NSTW, tỉnh	7.207.000.000	16.288.269.459	6.356.000.000	(9.932.269.459)	39,02
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	700.657.000.000	763.723.871.000	796.801.000.000	13.786.000.000	104,33
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	641.113.000.000	641.113.000.000	654.899.000.000	13.786.000.000	102,15
2	Thu bổ sung có mục tiêu	59.544.000.000	122.610.871.000	141.902.000.000	19.291.129.000	
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		1.203.412.000		(1.203.412.000)	
IV	Thu kết dư		7.196.395.787		(7.196.395.787)	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		32.972.237.088		(32.972.237.088)	
VI	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			3.022.000.000	3.022.000.000	
B	TỔNG CHI NSDP	800.650.000.000	899.020.025.500	883.167.000.000	(12.149.613.500)	98,24
I	Tổng chi cân đối NSDP	741.106.000.000	789.076.058.683	741.265.000.000	(49.311.058.683)	93,94
1	Chi đầu tư phát triển	51.408.000.000	84.535.870.000	36.547.000.000	(47.988.870.000)	43,23
2	Chi thường xuyên	671.876.100.000	692.813.552.759	688.507.800.000	(4.305.752.759)	99,38
3	Dự phòng ngân sách	14.621.900.000	11.726.635.924	14.710.200.000	2.983.564.076	125,44
4	Chi từ tăng thu ngân sách	3.200.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu	59.544.000.000	100.728.527.000	141.902.000.000	41.173.473.000	140,88
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	59.544.000.000	100.728.527.000	141.902.000.000	41.173.473.000	140,88
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		-		-	
III	Chi nộp NS cấp trên		5.203.412.000		(5.203.412.000)	-
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		4.012.027.817		(4.012.027.817)	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Sông Mã)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	111.588.557.222	95.300.287.763	88.500.000.000	83.344.000.000	79,31	87,45
I	Thu nội địa	110.288.557.222	95.300.287.763	88.500.000.000	83.344.000.000	80,24	87,45
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	250.000.000	237.556.400	246.000.000	246.000.000	98,40	103,55
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	34.697.000.000	34.697.000.000	52.500.000.000	52.500.000.000	151,31	151,31
	- Thuế giá trị gia tăng	-	-	37.000.000.000	37.000.000.000		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000		
	- Thuế Tài nguyên	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000		
	- Thu khác	-	-	700.000.000	700.000.000		
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.000.000.000	1.976.027.450	2.200.000.000	2.200.000.000	110,00	111,33
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-				
7	Lệ phí trước bạ	7.963.774.322	7.963.774.322	4.500.000.000	4.500.000.000	56,51	56,51
8	Thu phí, lệ phí	1.900.000.000	1.794.456.050	2.200.000.000	2.200.000.000	115,79	122,60
	- Phí và lệ phí trung ương, tỉnh	105.543.950	105.543.950			-	
	- Phí, lệ phí huyện, xã	1.794.456.050	1.794.456.050			-	-
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.200.000	18.200.000			-	-
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.058.500.000	1.058.500.000	750.000.000	750.000.000	70,85	70,85
12	Thu tiền sử dụng đất	40.000.000.000	34.000.000.013	22.000.000.000	18.700.000.000	55,00	55,00
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)	-	-				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.924.000.000	2.687.107.847	1.704.000.000	648.000.000		
16	Thu khác ngân sách	16.466.082.900	10.856.665.681	2.400.000.000	1.600.000.000	14,58	14,74
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	11.000.000	11.000.000				
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.300.000.000					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.296.440.000					
2	Thuế xuất khẩu	-					-
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	-					-
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	-					
6	Thu khác	3.560.000					
III	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Sông Mã)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	800.650.000.000	883.167.000.000	82.517.000.000	110,31
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	741.106.000.000	741.265.000.000	159.000.000	100,02
I	Chi đầu tư phát triển	51.408.000.000	36.547.000.000	-14.861.000.000	71,09
1	Chi đầu tư cho các dự án	51.408.000.000	36.547.000.000	-14.861.000.000	71,09
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.380.000.000	3.400.000.000	20.000.000	100,59
-	Chi khoa học và công nghệ			0	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	34.000.000.000	16.700.000.000	-17.300.000.000	49,12
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi khác			0	
II	Chi thường xuyên	671.796.000.000	688.507.800.000	16.711.800.000	102,49
	Trong đó:			0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	414.762.000.000	446.693.000.000	31.931.000.000	107,70
2	Chi khoa học và công nghệ			0	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
IV	Dự phòng ngân sách	14.702.000.000	14.710.200.000	8.200.000	100,06
V	Chi từ tăng thu ngân sách	3.200.000.000	1.500.000.000	-1.700.000.000	46,88
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	59.544.000.000	141.902.000.000	82.358.000.000	238,31
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	59.544.000.000	141.902.000.000	82.358.000.000	238,31
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	20.791.000.000	26.122.000.000	5.331.000.000	125,64
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	38.753.000.000	109.809.000.000	71.056.000.000	283,36
	Chương trình mục tiêu (vốn sự nghiệp)		5.971.000.000	5.971.000.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

